TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 633/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi nổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 451/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà **Tiền Thị X**, sinh năm: 1988;

CCCD số 079188004207 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021;

Địa chỉ: 713/51/33 L, Khu phố A, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông **Nguyễn Thành P**, sinh năm: 1985;

Căn cước số 079085019672 do Bộ C cấp ngày 18/02/2025;

Địa chỉ: 713/51/33 L, Khu phố A, phường A (Phường A, quận G cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: "V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn".

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2013 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 277, quyển số: 02/2013 do

Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2013). Nay bà X – ông P yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P có với nhau 01 (một) người con tên Nguyễn Quốc N, sinh ngày: 21/11/2014. Bà X – ông P thỏa thuận: Giao người con cho bà Tiền Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Ông Nguyễn Thành P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 10/4/2026.

Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản.

Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P thỏa thuận: Ông P tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật Giấy chứng nhận kết hôn số: 277, quyển số: 02/2013 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/12/2013 không còn giá trị.

- Về con chung: Có 01 (một) người con tên Nguyễn Quốc N, sinh ngày: 21/11/2014. Giao người con tên N cho bà Tiền Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

Ông Nguyễn Thành P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con thực hiện vào ngày 10 (mười) hàng tháng, bắt đầu thực hiện vào ngày 10/4/2026.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc thi hành án do các bên đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Tiền Thị X và ông Nguyễn Thành P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thành P tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông P được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015978 ngày 16/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thành P đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV7 - TP.HCM;
- Phòng THADS KV7 - TP.HCM;
- UBND Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Yến Ngọc